



1109-HD Series Tải nặng BÁNH XE LÙN TẢI NẶNG (Trọng tâm thấp)

美國機械輪系列

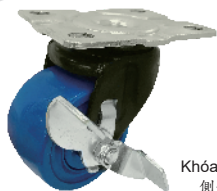
- Càng bánh được làm bằng thép cường lực cứng, cùng với ổ lăn bi được xử lý nhiệt, giúp tăng khả năng tải trọng và kéo dài tuổi thọ sử dụng của bánh xe, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu về trọng tâm thấp, thích hợp sử dụng cho thiết bị máy móc, tủ rack, tủ mạng và AGV. Thiết kế tấm lắp lớn với chân tăng chỉnh giúp tăng khả năng chịu tải, ngoài ra chân tăng chỉnh có thể điều chỉnh độ cao giúp thiết bị đứng vững vàng. Bề mặt càng bánh được mạ điện, hình dáng ưa nhìn và tăng khả năng chống gỉ.
- 腳架採用高鋼性板材，配合熱處理珠道來達到極高的荷重與長時間的使用壽命，同一時間又能夠確保低重心的要求，適用於商業機械設備與電腦伺服器物料架與AGV（無人車）使用。其中的大底板附支撐腳的設計，可增大荷重，其支撐腳可調整高度並可隨意穩固地停放台車且腳片表面電鍍處理更提供高級外觀與更好的防鏽能力。

Tải trọng 載重
250 - 500 kg



» Đặc điểm 特色區

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



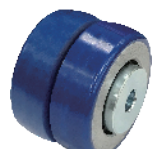
Khóa bên
側剎



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh King Kong
金鋼輪



Bánh ZQPU(bánh đôi)
ZQPU輪



Bánh QPU
QPU輪



Ống trục/
Ống bạc
中管



Ổ bi
滾珠軸承

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
2-1/2"x 1-15/16" 美國輪 2-1/2"x 1-15/16"	65 x 95 mm (2-3/4"x 3-3/4")	45 x 75 mm (1-3/4"x 3")	8 mm (5/16")
3" 美國輪 3"x1-15/16"	86 x 110 mm (3-3/8" x 4-5/16")	60 x 83 mm (2-3/8" x 3-1/4")	10 mm (3/8")

Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	Tải trọng 載重	Vật liệu bánh xe 材質	Mã sản phẩm 型號			Ổ lăn bánh xe 軸承	Tổng chiều cao 總高	Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
50 x 45mm (2" x 1-3/4")	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1109-02-80-1(H)	1109-02-80-2(H)	--	Ổ bi 滾珠軸承	75mm (3")	Xoay 50mm 活動 50mm
	350 kgs (770 lbs)	Bánh ZQPU(bánh đôi) ZQPU輪	1109-02-101-1(H)	1109-02-101-2(H)	--	Ổ bi 滾珠軸承		
	250 kgs (550 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	1109-02-100-1(H)	1109-02-100-2(H)	--	Ổ bi 滾珠軸承		
	200 kgs (440 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-02-07-1(H)	1109-02-07-2(H)	--	Ống trục/ Ống bạc 中管		



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 制車			
62.5 x 45mm (2-1/2" x 1-3/4")	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1109-25-80-1(H)	1109-25-80-2(H)	1109-25-80-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承	90.5mm (3-9/16")	Xoay 59.5mm Khóa bên 77mm 活動 59.5mm 側煞 77mm
	400 kgs (880 lbs)	Bánh ZQPU(bánh đôi) ZQPU輪	1109-25-101-1(H)	1109-25-101-2(H)	1109-25-101-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承		
	450 kgs (990 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	1109-25-100-1(H)	1109-25-100-2(H)	1109-25-100-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承 Ổng trục/Ổng bạc 中管		
	250 kgs (550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-25-07-1(H)	1109-25-07-2(H)	1109-25-07-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承		
75 x 45mm (3" x 1-3/4")	450 kgs (990 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1109-03-80-1(H)	1109-03-80-2(H)	1109-03-80-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承	105.5mm (4-1/8")	Xoay 70mm Khóa bên 85.5mm 活動 70mm 側煞 85.5mm
	450 kgs (990 lbs)	Bánh ZQPU(bánh đôi) ZQPU輪	1109-03-101-1(H)	1109-03-101-2(H)	1109-03-101-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承		
	500 kgs (1100 lbs)	Bánh King Kong 金鋼輪	1109-03-100-1(H)	1109-03-100-2(H)	1109-03-100-4(H)	Ổ bi 滾珠軸承 Ổng trục/Ổng bạc 中管		
	300 kgs (660 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1109-03-07-1(H)	1109-03-07-2(H)	1109-03-07-4(H)			